

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO THU NHẬP CỦA NGƯỜI TRỒNG CÀ PHÊ Ở KHU VỰC TÂY NGUYÊN

PGS.TS. ĐÌNH PHI HỒ* & ThS. PHẠM NGỌC DƯƠNG**

Từ năm 2000, VN trở thành quốc gia xuất khẩu cà phê đứng thứ 2 thế giới về sản lượng và là nước xuất khẩu lớn nhất thế giới về loại cà phê vối (Robusta). Trong khoảng 10 năm trở lại đây, cà phê luôn là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của VN, góp phần không nhỏ vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặc dù vậy, đời sống của người dân vùng trồng cà phê vẫn còn nhiều khó khăn, thu nhập từ sản xuất cà phê đôi khi không đủ bù đắp chi phí để sản xuất ra chúng. Thực tế đó cho thấy việc tìm kiếm các giải pháp có căn cứ khoa học nhằm nâng cao thu nhập là thách thức của các nhà chính sách. Để thực hiện điều này, cần nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ sản xuất cà phê. Dựa vào khung lý thuyết kinh tế học nông nghiệp và thực tiễn VN, nhóm nghiên cứu đã xây dựng mô hình hồi quy đa biến nhằm định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình sản xuất cà phê. Nghiên cứu tiến hành điều tra trực tiếp 293 hộ gia đình sản xuất cà phê tại 2 tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk thuộc khu vực Tây Nguyên để ứng dụng và kiểm định mô hình trên thực tiễn. Kết quả cho thấy, có 4 nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập bao gồm: quy mô diện tích cà phê đang thu hoạch, loại giống cà phê đang trồng, trình độ kiến thức của nông dân và trình độ ứng dụng công nghệ sinh học.

1. Giới thiệu

Cà phê là một trong những mặt hàng nông sản có giá trị kinh tế cao, là nguồn thu nhập quan trọng của nhiều nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có VN. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, cà phê luôn là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của VN, góp phần không nhỏ vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ năm 2005 đến nay, mỗi năm kim ngạch xuất khẩu cà phê mang về cho đất nước từ 1,6 đến trên 2 tỷ USD nhưng đời sống của người dân vùng trồng cà phê vẫn còn nhiều khó khăn, thu nhập từ sản xuất cà phê đôi khi không đủ bù đắp chi phí để sản xuất ra chúng. Thực tế đó cho thấy việc tìm kiếm các giải pháp có căn cứ khoa học nhằm nâng cao thu nhập là thách thức của các nhà chính sách. Để thực hiện điều này, cần nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ sản xuất cà phê. Do đó, nội dung bài viết tập

trung vào 2 vấn đề chính: Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và gợi ý các giải pháp nâng cao thu nhập cho hộ sản xuất cà phê.

2. Cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập

Theo Park S.S (1992), năng suất lao động là điều kiện để thay đổi thu nhập. Các yếu tố tác động đến năng suất lao động cũng chính là tác động đến thu nhập. Lewis (1955), Oshima (1995), Randy Barker (2002) [1], cho rằng các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động nông nghiệp bao gồm: quy mô diện tích đất nông nghiệp của hộ, trình độ cơ giới (Chi phí dịch vụ bằng cơ giới), vốn vay, trình độ kiến thức nông nghiệp, trình độ sinh học (Chi phí của giống, phân bón - thuốc hóa học). Theo Đình Phi Hồ (2010) [2], các yếu tố tác động đến thu nhập của nông dân theo mô hình:

$$\ln Y = B_0 + B_1 \ln DT + B_2 \ln MC + B_3 CA + B_4 \ln KL + B_5 \ln LC + B_6 \ln BC$$

Y (Biến phụ thuộc): Thu nhập; *Biến độc lập bao gồm*: Diện tích đất sản xuất của hộ gia đình (DT); Chi phí dịch vụ bằng cơ giới (MC); Vay tiền từ các định chế tín dụng chính thức (CA = 1, Có vay; CA = 0, Không vay); Trình độ kiến thức nông nghiệp của chủ hộ (KL); Chi phí lao động (LC); Chi phí sinh học (BC).

Qua thực tiễn nghiên cứu tại vùng Tây nguyên, nhóm nghiên cứu nhận thấy đối với thu nhập của người trồng cà phê thì ngoài các yếu tố ảnh hưởng nêu trên họ còn có thể bị tác động bởi các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các công ty thu mua, loại cà phê mà họ đang trồng có phù hợp nhu cầu của khách hàng quốc tế. Do đặc điểm của cây lâu năm, thu nhập trong năm của hộ gia đình trồng cà phê chính là phần tiền còn lại của tổng doanh thu từ bán cà phê trừ đi các khoản chi phí sinh học, chi phí cơ giới, chi thuê lao động ngoài gia đình, chi trả vốn vay, chi thuê thiết bị cơ giới, chi kiến thiết cơ bản phân bổ cho năm thu hoạch cà phê.

Mô hình lựa chọn nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình sản xuất cà phê ở Tây nguyên như sau:

$$\ln \text{Thunhap} = b_0 + b_1 \ln \text{DTthuhoach} + b_2 \ln \text{Laodong} + b_3 \ln \text{Vonvay} + b_4 \ln \text{TDsinhhoc} + b_5 \ln \text{TDcogioi} + b_6 \ln \text{TDkienthuc} + b_7 \text{Loaicaphe} + b_8 \text{Hopdong}$$

Bảng 1. Nội dung các biến của mô hình

Tên biến	Dấu mong đợi
Biến phụ thuộc	
Thunhap: Thu nhập của hộ gia đình/trang trại trồng cà phê trong năm (Triệu đồng)	
Biến độc lập	
DTthuhoach: Diện tích vườn cà phê đang trong thời kỳ thu hoạch (Ha)	+
Laodong: Số lao động chính trong gia đình trực tiếp sản xuất (Người)	+
Vonvay: Quy mô vốn vay từ các tổ chức tín dụng chính thức trong năm thu hoạch (Triệu đồng)	+
TDsinhhoc: Trình độ ứng dụng công nghệ	+

sinh học thể hiện qua chi phí sinh học bao gồm: chi phân bón, thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ thực vật, chi nước tưới được sử dụng trong năm thu hoạch (Triệu đồng)	
TDcogioi: Trình độ cơ giới thể hiện qua chi phí cho việc mua hoặc thuê các thiết bị cơ giới phục vụ cho sản xuất (Triệu đồng)	+
TDkienthuc: Kiến thức nông nghiệp của chủ hộ gia đình (Điểm)	+
Loaicaphe: (Biến giả) Loại cà phê mà hộ gia đình đang trồng, có giá trị = 1 nếu hộ gia đình trồng cà phê chè; có giá trị = 0 nếu hộ gia đình hoặc trang trại trồng cà phê vối	+
Hopdong: (Biến giả) có giá trị = 1 nếu hộ gia đình có ký hợp đồng bán sản phẩm cho các đơn vị thu mua cà phê; có giá trị = 0 nếu không có ký hợp đồng	+

Các tham số được ước lượng bằng phương pháp bình phương bé nhất (OLS) trên phần mềm SPSS với các bước như sau:

Bước 1: Hồi quy tuyến tính với đầy đủ các biến lựa chọn trong mô hình để cho ra kết quả ban đầu.

Bước 2: Đánh giá độ phù hợp của mô hình (thông qua hệ số xác định R^2 điều chỉnh và phân tích phương sai Anova), nếu mô hình phù hợp thì tiếp sang bước 3

Bước 3: Kiểm tra sự vi phạm giả định cần thiết trong hồi quy tuyến tính

- Đa cộng tuyến (thông qua hệ số phóng đại phương sai VIF và ma trận tương quan Pearson), nếu có đa cộng tuyến loại trừ dần các biến đến khi mô hình không còn hiện tượng đa cộng tuyến.

- Phương sai sai số thay đổi (thông qua kiểm định tương quan hạng Spearman), nếu có hiện tượng phương sai thay đổi ở biến nào thì loại biến đó khỏi mô hình rồi hồi quy lại, sau đó quay từ bước 2 đến khi các biến còn lại không còn hiện tượng phương sai thay đổi

3. Kiểm định mô hình

Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát trong tháng 12/2010 trên 2 tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, tại 22 xã, thị trấn thuộc 8 huyện. Với quy mô mẫu là 293 hộ gia đình/trang trại theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện, phỏng vấn trực tiếp các chủ hộ trồng cà phê [3].

Bảng 2. Cơ cấu mẫu khảo sát tại các địa phương

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Đắc Lắc	Cư Kuin	Xã Hòa Hiệp	15	5,1
			Ea Tiêu	18	6,1
			EaBhok	15	5,1
		Buôn Ma Thuột	Hòa Thuận	19	6,8
			EaKao	10	3,4
			Cư Êbur	20	6,8
		Krông Buk	Cư Pông	20	6,8
			Ea Sin	14	4,8
			Cư Né	15	5,1
2	Lâm Đồng	Bảo Lộc	B' Lao	4	1,4
			ĐamBri	12	4,1
			TP. Bảo Lộc	2	0,7
		Bảo Lâm	Lộc Thành A	10	3,4
			Lộc thành B	9	3,1
		TP. Đà Lạt	Trạm Hành	20	6,8
			Xuân Trường, Đà Lạt	40	13,6
		Đức Trọng	Tân Hội	10	3,4
			Tân Thành	2	0,7
		Lâm Hà	TT Nam ban	11	3,7
			Nam Hà	13	4,4
			Liên Hà	10	3,4
			Mê Linh	4	1,4
Tổng	2	8	22	293	100

Nguồn: Số liệu nghiên cứu của tác giả

Bảng 3. Kết quả hồi quy của mô hình

	Hệ số chưa được chuẩn hóa		Hệ số được chuẩn hóa		Thống kê cộng tuyến	
	b	Lỗi tiêu chuẩn	Beta	Ý nghĩa	Tolerance	VIF
(Hằng số)	4,021	0,599		0,000		
lnDTthuhoach	1,311	0,178	0,919	0,000	0,274	3,649
lnLaodong	-0,117	0,200	-0,041	0,562	0,852	1,174
lnVonvay	0,057	0,086	0,050	0,510	0,760	1,316
lnTDsinhhoc	-0,278	0,133	-0,221	0,039	0,380	2,632
lnTDkienthuc	0,459	0,120	0,259	0,000	0,934	1,071
Loaicaphe	0,553	0,162	0,279	0,001	0,640	1,563
Hopdong	0,068	0,129	0,038	0,597	0,848	1,179
R² điều chỉnh: 0,538 ANOVA: Giá trị F: 18,97 ; Sig.: 0,0000 Durbin - Watson: 1,691 Mức ý nghĩa của các hệ số tương quan hạng Spearman từ 0,2 đến 0,9						

3.1 Kết quả mô hình

Bảng 3 cho biết: có 4 biến (diện tích, sinh học, kiến thức của chủ hộ và loại cà phê) đảm bảo có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy lớn hơn 95% (Significance < 0,05). Các kiểm định tính phù hợp của mô hình, hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan và tính ổn định phương sai của số dư đã thực hiện không có hiện tượng vi phạm.

3.2 Thảo luận kết quả và kết luận*Thảo luận kết quả nghiên cứu*

Mô hình có R^2 điều chỉnh là 0,538 cho biết 53,8% thu nhập của người sản xuất cà phê được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình hồi quy. Phương trình hồi quy dự đoán mức độ tác động của các yếu tố đối với thu nhập được xác định như sau:

$$\text{LnThunhap} = 4,021 + 1,311 \text{ LnDTthuhoach} - 0,278 \text{ LnTDSinhhoc} + 0,459 \text{ LnTDkien thuc} + 0,553 \text{ Loaicaphe}$$

Giải thích ý nghĩa của các hệ số hồi quy

- Khi diện tích thu hoạch tăng lên 1%, thu nhập hộ sẽ tăng lên 1,311% (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 1,311). Mối quan hệ cùng chiều với biến độc lập như mong đợi.

- Khi chi phí sinh học tăng lên 1%, thu nhập hộ sẽ giảm đi 0,278% (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,278). Mối quan hệ nghịch chiều với biến độc lập không như mong đợi. Nguyên nhân của tác động ngược chiều là do hầu hết các hộ gia đình sản xuất cà phê quá lạm dụng các chất sinh học (bón phân, tưới nước) để tăng năng suất của cây cà phê.

- Khi trình độ kiến thức nông nghiệp của chủ hộ tăng lên 1% số điểm, thu nhập sẽ tăng lên 0,459 % (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,459). Mối quan hệ cùng chiều với biến độc lập như mong đợi.

- Khi hộ gia đình trồng cà phê với tại các khu vực có điều kiện sinh thái phù hợp với sự phát triển của cà phê chè chuyển qua trồng cà phê chè thì thu nhập sẽ tăng lên 55,3% (tương ứng hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,553). Mối quan hệ cùng chiều với biến độc lập như mong đợi.

Hệ số hồi quy được chuẩn hóa (Beta) cho biết tầm quan trọng của các biến độc lập trong mô hình. Biến diện tích thu hoạch có hệ số hồi quy 0,919, có nghĩa là với 100% các yếu tố tác động đến thu nhập, biến này chiếm 91,9%. Như vậy, biến này có vị trí quan trọng nhất ảnh hưởng đến thu nhập, kế đến là loại cà phê, kiến thức nông nghiệp trong sản xuất cà phê và chi phí sinh học.

Kết luận

Thông qua các kiểm định của mô hình hồi quy ta thấy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình/trang trại trồng cà phê là: quy mô diện tích vườn cà phê đang thu hoạch, loại giống cà phê đang trồng, trình độ kiến thức nông nghiệp của chủ hộ và trình độ ứng dụng công nghệ sinh học.

4. Gợi ý chính sách

Để nâng cao thu nhập cho hộ gia đình trồng cà phê tại khu vực Tây Nguyên, cần tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau:

Một là, Nhà nước cần ban hành chính sách khuyến khích các hộ gia đình có diện tích vườn cà phê nhỏ lẻ tham gia các hình thức hợp tác nông nghiệp, các câu lạc bộ sản xuất cà phê để tạo ra những khu vực chuyên canh cà phê có diện tích lớn hơn, trên cơ sở đó có thể đưa các thiết bị cơ giới vào phục vụ sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao thu nhập cho họ. Để thực hiện được chính sách này, Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý cho các hộ gia đình trồng cà phê có nhu cầu sản xuất chung “đồn điền, đổi thửa” để tạo ra các vườn cà phê có diện tích lớn nhằm phát huy được lợi thế nhờ quy mô trong sản xuất cà phê.

Thực tế cho thấy phần lớn quy mô diện tích vườn cà phê của các hộ gia đình rất nhỏ lẻ, hộ có diện tích nhỏ nhất chỉ có khoảng 0,1 ha, hộ có diện tích lớn nhất cũng chỉ 5 ha nhưng hộ nào cũng trang bị máy bơm nước, máy xay, máy xát riêng, một số hộ còn xây dựng trạm sấy khô mini dẫn đến giá thành sản xuất cà phê cao làm giảm thu nhập của hộ gia đình.

Hai là, nâng cao kiến thức nông nghiệp trong gieo trồng, chăm sóc, thu hái và sơ chế biến cho

chủ hộ và những người trực tiếp tham gia sản xuất cà phê.

Thực tế cho thấy với số điểm tối đa về kiến thức nông nghiệp trong sản xuất cà phê là 10 điểm thì tại khu vực nghiên cứu, mức điểm tối đa mà chủ hộ đạt được chỉ là 8 điểm, mức trung bình chung là 3,9 điểm cho thấy kiến thức trồng cà phê của hộ còn rất hạn chế. Do vậy, Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí cho các Trung tâm khuyến nông địa phương để cán bộ của họ có thể thực hiện 3 cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng sản xuất) với các hộ trồng cà phê đặc biệt là các hộ gia đình dân tộc thiểu số, các hộ gia đình có trình độ học vấn thấp để hướng dẫn họ phương pháp gieo trồng, chăm sóc, thu hái và chế biến cà phê theo đúng quy trình quy định. Theo đó, chỉ thu hái cà phê khi số quả chín trên cành đạt trên 75%, phơi khô cà phê trên sân xi măng, hạn chế hình thức xát đập vỏ trước khi phơi để không làm giảm chất lượng cà phê nhân xuất khẩu mới thu được giá cao.

Ba là, mở rộng diện tích trồng cà phê chè tại các khu vực có điều kiện sinh thái, môi trường tự nhiên, thiên nhiên phù hợp. Thực tế cho thấy trên thị trường cà phê thế giới, giá cà phê chè luôn cao hơn giá cà phê vối từ 1,6 - 1,85 lần, thậm chí trong 2 năm gần đây giá cà phê chè bằng 2,2 - 2,5 lần cà phê vối [4] đang là cơ hội lớn cho người trồng cà phê tại VN cung cấp cà phê chè cho thế giới, bởi vì: (i) khả năng mở rộng diện tích trồng cà phê chè tại VN còn rất lớn, và (ii) nhu cầu cà phê chè trên thế giới vẫn thiếu hụt trong các năm tới do sản lượng loại cà phê chè từ Colombia vẫn chưa thể phục hồi sau khi tái canh, hiện nay họ chỉ xuất khẩu được 9 triệu bao thay vì 13 triệu bao (60 kg/bao) như trước kia.

Bốn là, khuyến khích người trồng cà phê bón phân, tưới nước vừa đủ nhu cầu sinh học của cây cà phê.

Thực tế cho thấy hầu hết các hộ gia đình VN đều đã quá lạm dụng các chất sinh học để tăng năng suất của cây cà phê, nghiên cứu tại Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên [0] cho thấy: lượng phân bón của các hộ trồng cà phê tại vùng chuyên canh cà phê ở VN cao hơn mức yêu cầu dinh dưỡng của cây từ 10-23%, lượng

nước tưới vượt quá yêu cầu sinh học của cây cà phê từ 300-400 lít/lần tưới và với thói quen tưới 5 lần trong một mùa khô thì lượng nước tưới bị lãng phí là không nhỏ. Để khắc phục hiện tượng này Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn các tỉnh cần chỉ đạo các Trung tâm khuyến nông địa phương hướng dẫn người trồng cà phê kỹ thuật bón phân và tưới nước; theo đó, hạn chế bón phân vô cơ, tăng cường bón phân hữu cơ, thực hiện tủ gốc giữ độ ẩm, thực hiện quy trình gieo trồng, chăm sóc, thu hái mà Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đã ban hành; khuyến khích người trồng cà phê tham gia các câu lạc bộ sản xuất cà phê chất lượng cao để được cấp giấy chứng nhận cà phê đạt tiêu chuẩn của các tổ chức chứng nhận chất lượng cà phê uy tín trên thế giới như: GAP, 4C, Utz, Rainforest Alliance, GlobalGap, VietGap nhằm xuất khẩu với giá cao hơn■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Đinh Phi Hổ (2008), *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*, NXB Phương Đông.
2. PGS.TS. Đinh Phi Hổ, ThS. Hoàng Thị Thu Huyền (6/2010), "Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng trung du ở tỉnh Phú Thọ", Tạp chí Phát triển kinh tế, Đại học Kinh tế TP.HCM, số 236.
3. Phạm Ngọc Dưỡng (2011), *Phát triển ngành cà phê VN trong hội nhập quốc tế*, Luận văn tiến sĩ (Bản thảo), Trường Đại học Kinh tế - Luật, TP.HCM.
4. Hiệp hội Cà cao - Cà phê VN (2010), <http://vicofa.org.vn/a/news?t=12&id=883467>.
5. Lê Ngọc Bái (2007), "Hiện trạng sản xuất và giải pháp phát triển bền vững ngành cà phê", *Diễn đàn khuyến nông & công nghệ*, Trung tâm khuyến nông quốc gia.
6. Trung tâm thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn (AGROINFOR) (7/2010), *Báo cáo ngành hàng cà phê VN 6 tháng đầu năm 2010*.
7. PGS.TS. Đinh Phi Hổ (Chủ biên), TS. Lê Ngọc Uyển, ThS. Lê Thị Thanh Tùng (2009), *Kinh tế phát triển - Lý thuyết và thực tiễn*, NXB Thống kê TP.HCM.
8. Website: Tổng cục Thống kê VN (<http://www.gso.gov.vn>); Hiệp hội Cà cao - Cà phê Việt (<http://vicofa.org.vn/a/news?t=12&id=883467>);
9. Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), *Báo cáo thường niên 2009-2010*, <http://www.ico.org>.